

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC Y TẾ

Số: **756** /SY-CYT

SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày **25** tháng 9 năm 2016

Nơi nhận:

- Các đơn vị trực thuộc (qua Website Cục Y tế);
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: TCCB, VT.

TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG TCCB - HTQT



Nguyễn Sỹ Việt

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC CÔNG BỐ SỬA ĐỔI VÀ BÃI BỎ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính

1. Công bố sửa đổi các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải tại Phụ lục I của Quyết định này.
2. Công bố bãi bỏ các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải tại Phụ lục II của Quyết định này.
3. Nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính được sửa đổi tại Phụ lục III của Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Vụ Pháp chế chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cập nhật các thủ tục hành chính được công bố bổ sung, sửa đổi và thay thế vào Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính theo quy định.

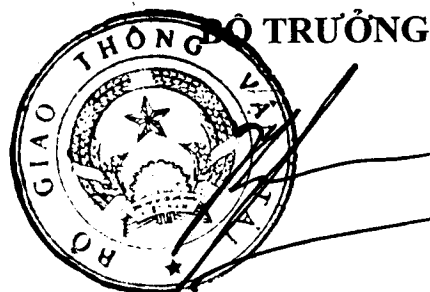
Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ, Thủ trưởng

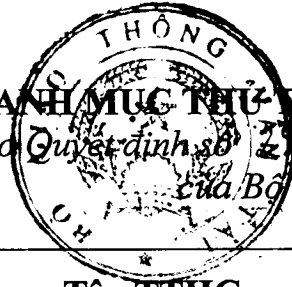
các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 3;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Các Cảng vụ Hàng không;
- Các doanh nghiệp hàng không;
- Lưu: VT, PC (03).



Trương Quang Nghĩa



Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ SỬA ĐỔI

(Kèm theo Quyết định số 224 /QĐ-BGTVT ngày 19 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1.	Cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung	Hàng không	Bộ GTVT	Đổi tên TTHC
2.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung	Hàng không	Bộ GTVT	Đổi tên TTHC
3.	Chấp thuận việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không không có vốn đầu tư nước ngoài cho nhà đầu tư nước ngoài	Hàng không	Bộ GTVT	Đổi tên TTHC
4.	Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN	
5.	Cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN	
6.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không	Hàng không	Cục HKVN	
7.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không	Hàng không	Cục HKVN	
8.	Cấp mới giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ HK và người khai thác cảng hàng không sân bay	Hàng không	Cảng vụ HK	Sửa đổi, bổ sung đối tượng được ủy quyền
9.	Cấp lại giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ HK và người khai thác cảng hàng không sân bay	Hàng không	Cảng vụ HK	Sửa đổi, bổ sung đối tượng được ủy quyền
10.	Cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn	Hàng không	Cảng vụ HK	Sửa đổi, bổ sung đối tượng được ủy quyền

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ BÃI BỎ
(Kèm theo Quyết định số 122/QĐ-BGTVT ngày 19 tháng 9 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi đối với hãng hàng không kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại	Hàng không	Cục HKVN
2.	Cấp Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại	Hàng không	Thủ tướng
3.	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không trong lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay	Hàng không	Cục HKVN
4.	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện hàng không trong lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay	Hàng không	Cục HKVN
5.	Cấp Giấy chứng nhận Tổ chức huấn luyện bay (Mức 1)	Hàng không	Cục HKVN
6.	Sửa đổi Giấy chứng nhận Tổ chức huấn luyện chuyển loại tàu bay cho người lái (Mức 2)	Hàng không	Cục HKVN
7.	Cấp Giấy chứng nhận Tổ chức đào tạo, huấn luyện nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay (mức 3)	Hàng không	Cục HKVN
8.	Gia hạn Giấy chứng nhận Tổ chức huấn luyện nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay (Mức 3)	Hàng không	Cục HKVN
9.	Sửa đổi Giấy chứng nhận Tổ chức huấn luyện bay (Mức 1)	Hàng không	Cục HKVN
10.	Gia hạn Giấy chứng nhận Tổ chức huấn luyện bay (Mức 1)	Hàng không	Cục HKVN
11.	Cấp Giấy chứng nhận Tổ chức huấn luyện chuyển loại tàu bay (Mức 2)	Hàng không	Cục HKVN
12.	Gia hạn Giấy chứng nhận Tổ chức huấn luyện chuyển loại tàu bay cho người lái (Mức 2)	Hàng không	Cục HKVN
13.	Công nhận Giấy chứng nhận đủ điều kiện vận chuyển hàng nguy hiểm không thương lệ bằng đường hàng không của các hãng hàng không nước ngoài	Hàng không	Cục HKVN
14.	Công nhận Giấy chứng nhận đủ điều kiện vận chuyển hàng nguy hiểm thương lệ bằng đường hàng không của các hãng hàng không nước ngoài	Hàng không	Cục HKVN



Phụ lục III

NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ SỬA ĐỔI
(Kèm theo Quyết định số 2924/QĐ-BGTVT ngày 19 tháng 9 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Người đề nghị gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản trả lời người đề nghị và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp không chấp thuận kết quả thẩm định thì có văn bản trả lời Cục Hàng không Việt Nam và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Tờ trình của Bộ Giao thông vận tải, Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép Bộ Giao thông vận tải cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải cấp Giấy phép.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính;
- Hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 92/2016/NĐ-CP;
- Bản chính văn bản xác nhận vốn;
- Sơ đồ bộ máy tổ chức của doanh nghiệp;

- Bản sao có chứng thực quyết định bổ nhiệm, hợp đồng lao động, bản sao văn bằng, chứng chỉ chuyên môn của những người phụ trách quy định tại Điều 7 Nghị định 92/2016/NĐ-CP;

- Hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận về việc mua, thuê mua hoặc thuê tàu bay;

- Điều lệ hoạt động của doanh nghiệp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

4. Thời hạn giải quyết:

60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Vận tải hàng không - Cục Hàng không Việt Nam; Bộ Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung.

8. Phí, lệ phí: 20.000.000 đồng/lần.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Tờ khai đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/Giấy phép kinh doanh hàng không chung

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

*** Điều kiện kinh doanh vận tải hàng không**

1. Phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không.
2. Đáp ứng các điều kiện về phương án bảo đảm có tàu bay khai thác, tổ chức bộ máy, vốn, phương án kinh doanh và chiến lược phát triển sản phẩm quy định tại Điều 6, 7, 8, 9 của Nghị định 92/2016/NĐ-CP.
3. Được Bộ Giao thông vận tải cấp giấy phép kinh doanh vận tải hàng không sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép.
4. Các quy định tại Chương này không áp dụng đối với lĩnh vực đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ thành viên tổ lái, giáo viên huấn luyện.

*** Điều kiện về phương án bảo đảm có tàu bay khai thác**

1. Phương án bảo đảm có tàu bay khai thác trong 05 năm kể từ ngày dự kiến bắt đầu kinh doanh bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Số lượng, chủng loại tàu bay, tuổi của tàu bay;
- b) Hình thức chiếm hữu (mua, thuê mua hoặc thuê);
- c) Phương án khai thác, bảo dưỡng và nguồn nhân lực bảo đảm khai thác, bảo dưỡng tàu bay;
- d) Nguồn vốn bảo đảm chiếm hữu tàu bay.

2. Tuổi của tàu bay đã qua sử dụng nhập khẩu vào Việt Nam được quy định như sau:

a) Đối với tàu bay thực hiện vận chuyển hành khách: Không quá 10 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm nhập khẩu vào Việt Nam theo hợp đồng mua, thuê mua; không quá 20 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm kết thúc hợp đồng thuê. Riêng đối với tàu bay trực thăng không quá 25 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm kết thúc hợp đồng thuê;

b) Đối với tàu bay vận chuyển hàng hóa, bưu phẩm, bưu kiện, kinh doanh hàng không chung: Không quá 15 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm nhập khẩu vào Việt Nam theo hợp đồng mua, thuê mua; không quá 25 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm kết thúc hợp đồng thuê;

c) Các loại tàu bay khác ngoài quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 của Điều này: Không quá 20 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm nhập khẩu vào Việt Nam theo hợp đồng mua, thuê mua; không quá 30 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm kết thúc hợp đồng thuê.

3. Số lượng tàu bay duy trì trong suốt quá trình kinh doanh vận tải hàng không tối thiểu là 03 tàu bay đối với kinh doanh vận chuyển hàng không; tối thiểu là 01 tàu bay đối với kinh doanh hàng không chung; số lượng tàu bay thuê có tổ lái đến hết năm khai thác thứ hai chiếm không quá 30% đội tàu bay.

4. Có các chủng loại tàu bay được Cục Hàng không liên bang Mỹ (FAA) hoặc Cơ quan an toàn hàng không Châu Âu (EASA) hoặc Nhà chức trách hàng không Việt Nam cấp Chứng chỉ loại tàu bay.

*** Điều kiện về tổ chức bộ máy**

1. Có tổ chức bộ máy thực hiện hệ thống quản lý an toàn, an ninh, hoạt động khai thác tàu bay, bảo dưỡng tàu bay, huấn luyện bay, khai thác mặt đất; phát triển sản phẩm, tiếp thị và bán dịch vụ vận chuyển hàng không, dịch vụ hàng không chung theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng; hệ thống thanh toán tài chính.

2. Người được bổ nhiệm giữ vị trí phụ trách trong hệ thống quản lý an toàn, an ninh, khai thác tàu bay, bảo dưỡng tàu bay, huấn luyện bay phải có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm công tác liên tục trong lĩnh vực được bổ nhiệm, có văn bằng, chứng chỉ được cấp hoặc công nhận theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng.

3. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không phải là công dân Việt Nam.

4. Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, số thành viên là người nước ngoài không được vượt quá một phần ba tổng số thành viên tham gia bộ máy điều hành. Bộ máy điều hành gồm:

a) Tổng Giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc);

b) Kế toán trưởng;

c) Người phụ trách các lĩnh vực: Hệ thống quản lý an toàn; khai thác tàu bay; bảo dưỡng tàu bay; huấn luyện tổ bay; khai thác mặt đất; phát triển sản phẩm; tiếp thị và bán dịch vụ vận chuyển hàng không.

*** Điều kiện về vốn**

1. Mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển hàng không:

a) Khai thác đến 10 tàu bay: 700 tỷ đồng Việt Nam đối với doanh nghiệp có khai thác vận chuyển hàng không quốc tế; 300 tỷ đồng Việt Nam đối với doanh nghiệp chỉ khai thác vận chuyển hàng không nội địa;

b) Khai thác từ 11 đến 30 tàu bay: 1.000 tỷ đồng Việt Nam đối với doanh nghiệp có khai thác vận chuyển hàng không quốc tế; 600 tỷ đồng Việt Nam đối với doanh nghiệp chỉ khai thác vận chuyển hàng không nội địa;

c) Khai thác trên 30 tàu bay: 1.300 tỷ đồng Việt Nam đối với doanh nghiệp có khai thác vận chuyển hàng không quốc tế; 700 tỷ đồng Việt Nam đối với doanh nghiệp chỉ khai thác vận chuyển hàng không nội địa.

2. Mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung: 100 tỷ đồng Việt Nam.

3. Doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không có vốn đầu tư nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện:

a) Bên nước ngoài chiếm không quá 30% vốn điều lệ;

b) Phải có ít nhất một cá nhân Việt Nam hoặc một pháp nhân Việt Nam giữ phần vốn điều lệ lớn nhất. Trường hợp pháp nhân Việt Nam có vốn đầu tư nước ngoài thì phần vốn góp nước ngoài chiếm không quá 49% vốn điều lệ của pháp nhân.

4. Việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không không có vốn đầu tư nước ngoài cho nhà đầu tư nước ngoài chỉ được thực hiện sau 02 năm kể từ ngày được cấp giấy phép kinh doanh vận tải hàng không và phải được Cục HKVN chấp thuận.

*** Phương án kinh doanh và chiến lược phát triển**

1. Phương án kinh doanh và chiến lược phát triển của doanh nghiệp bao gồm các nội dung sau:

a) Đánh giá nhu cầu và xu hướng phát triển của thị trường;

b) Đánh giá thực tiễn và mức độ cạnh tranh dịch vụ được cung cấp trên thị trường;

c) Chiến lược phát triển sản phẩm vận chuyển hàng không, chiến lược phát triển đội tàu bay và kế hoạch phát triển kinh doanh của 05 năm đầu kể từ ngày khai thác.

2. Trên cơ sở Quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo Cục Hàng không Việt Nam và các hãng hàng không xây dựng, báo cáo và thực hiện các kế hoạch chi tiết theo định kỳ 05 năm trên cơ sở các nguyên tắc sau:

a) Phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giao thông vận tải;

b) Bảo đảm phát triển đồng bộ cảng hàng không, sân bay, hoạt động bay, phương tiện vận tải và các nguồn lực đảm bảo năng lực khai thác, bảo dưỡng tàu bay của hãng hàng không, năng lực giám sát an toàn của Nhà chức trách hàng không; bảo vệ môi trường và phát triển bền vững;

c) Bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các hãng hàng không; sự phát triển hài hòa giữa các loại hình dịch vụ vận chuyển hàng không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

- Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Thông tư số 169/2010/TT-BTC ngày 01/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẬP LẠI
Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/
Giấy phép kinh doanh hàng không chung

Kính gửi:(tên Cơ quan thẩm định hoặc cấp Giấy đăng ký)

Tôi là: (ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa)Nam/Nữ:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc:Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân (Thẻ căn cước công dân) hoặc Hộ chiếu số:

Ngày cấp:...../...../..... Cơ quan cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:Email:Website:

Đại diện theo pháp luật của công ty:

Mã số doanh nghiệp:

Đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại với nội dung sau:

1. Tên doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài:

Tên doanh nghiệp viết tắt:

Tên thương mại:

Nhãn hiệu:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:Email:Website:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

Do:cấp ngày.....tháng.....năm.....tại

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	
2	
...	

4. Vốn điều lệ:

Tổng số:

- Phần vốn góp của mỗi thành viên được liệt kê tại danh sách thành viên.

5. Vốn tối thiểu:

6. Tên, địa chỉ chi nhánh:

7. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:

8. Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Tôi và các thành viên cam kết:

- Không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty;

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp chính xác, trung thực của nội dung đề nghị cấp giấy phép.

.....

.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Kèm theo đơn đề nghị:

-

-

-

2. Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Người đề nghị gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ.

b) Giải quyết TTHC:

*** Đối với giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung:**

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định;

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải cấp lại giấy phép.

*** Đối với giấy phép cấp lại do bị mất, rách, hỏng:**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải;

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải xem xét cấp lại giấy phép.

2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 92/2016/NĐ-CP;

- Các tài liệu liên quan đến việc thay đổi nội dung Giấy phép (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

4. Thời hạn giải quyết:

*** Đối với giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung:** 18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

*** Đối với giấy phép cấp lại do bị mất, rách, hỏng:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giao thông vận tải.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Vận tải hàng không - Cục Hàng không Việt Nam; Bộ Giao thông vận tải.
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung.

8. Phí, lệ phí: 5.000.000 đồng/lần.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Tờ khai đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/Giấy phép kinh doanh hàng không chung.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

*** Điều kiện kinh doanh vận tải hàng không**

- 1. Phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không.
- 2. Đáp ứng các điều kiện về phương án bảo đảm có tàu bay khai thác, tổ chức bộ máy, vốn, phương án kinh doanh và chiến lược phát triển sản phẩm quy định tại Điều 6, 7, 8, 9 của Nghị định này.
- 3. Được Bộ Giao thông vận tải cấp giấy phép kinh doanh vận tải hàng không sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép.
- 4. Các quy định tại Chương này không áp dụng đối với lĩnh vực đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ thành viên tổ lái, giáo viên huấn luyện.

*** Điều kiện về phương án bảo đảm có tàu bay khai thác**

- 1. Phương án bảo đảm có tàu bay khai thác trong 05 năm kể từ ngày dự kiến bắt đầu kinh doanh bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Số lượng, chủng loại tàu bay, tuổi của tàu bay;
 - b) Hình thức chiếm hữu (mua, thuê mua hoặc thuê);
 - c) Phương án khai thác, bảo dưỡng và nguồn nhân lực bảo đảm khai thác, bảo dưỡng tàu bay;
 - d) Nguồn vốn bảo đảm chiếm hữu tàu bay.
- 2. Tuổi của tàu bay đã qua sử dụng nhập khẩu vào Việt Nam được quy định như sau:
 - a) Đối với tàu bay thực hiện vận chuyển hành khách: Không quá 10 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm nhập khẩu vào Việt Nam theo hợp đồng mua, thuê mua; không quá 20 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm kết thúc

hợp đồng thuê. Riêng đối với tàu bay trực thăng không quá 25 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm kết thúc hợp đồng thuê;

b) Đối với tàu bay vận chuyển hàng hóa, bưu phẩm, bưu kiện, kinh doanh hàng không chung: Không quá 15 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm nhập khẩu vào Việt Nam theo hợp đồng mua, thuê mua; không quá 25 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm kết thúc hợp đồng thuê;

c) Các loại tàu bay khác ngoài quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 của Điều này: Không quá 20 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm nhập khẩu vào Việt Nam theo hợp đồng mua, thuê mua; không quá 30 năm tính từ ngày xuất xưởng đến thời điểm kết thúc hợp đồng thuê.

3. Số lượng tàu bay duy trì trong suốt quá trình kinh doanh vận tải hàng không tối thiểu là 03 tàu bay đối với kinh doanh vận chuyển hàng không; tối thiểu là 01 tàu bay đối với kinh doanh hàng không chung; số lượng tàu bay thuê có tổ lái đến hết năm khai thác thứ hai chiếm không quá 30% đội tàu bay.

4. Có các chủng loại tàu bay được Cục Hàng không liên bang Mỹ (FAA) hoặc Cơ quan an toàn hàng không Châu Âu (EASA) hoặc Nhà chức trách hàng không Việt Nam cấp Chứng chỉ loại tàu bay.

*** Điều kiện về tổ chức bộ máy**

1. Có tổ chức bộ máy thực hiện hệ thống quản lý an toàn, an ninh, hoạt động khai thác tàu bay, bảo dưỡng tàu bay, huấn luyện bay, khai thác mặt đất; phát triển sản phẩm, tiếp thị và bán dịch vụ vận chuyển hàng không, dịch vụ hàng không chung theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng; hệ thống thanh toán tài chính.

2. Người được bổ nhiệm giữ vị trí phụ trách trong hệ thống quản lý an toàn, an ninh, khai thác tàu bay, bảo dưỡng tàu bay, huấn luyện bay phải có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm công tác liên tục trong lĩnh vực được bổ nhiệm, có văn bằng, chứng chỉ được cấp hoặc công nhận theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng.

3. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không phải là công dân Việt Nam.

4. Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, số thành viên là người nước ngoài không được vượt quá một phần ba tổng số thành viên tham gia bộ máy điều hành. Bộ máy điều hành gồm:

a) Tổng Giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc);

b) Kế toán trưởng;

c) Người phụ trách các lĩnh vực: Hệ thống quản lý an toàn; khai thác tàu bay; bảo dưỡng tàu bay; huấn luyện tổ bay; khai thác mặt đất; phát triển sản phẩm; tiếp thị và bán dịch vụ vận chuyển hàng không.

*** Điều kiện về vốn**

1. Mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển hàng không:

a) Khai thác đến 10 tàu bay: 700 tỷ đồng Việt Nam đối với doanh nghiệp có khai thác vận chuyển hàng không quốc tế; 300 tỷ đồng Việt Nam đối với doanh nghiệp chỉ khai thác vận chuyển hàng không nội địa;

b) Khai thác từ 11 đến 30 tàu bay: 1.000 tỷ đồng Việt Nam đối với doanh nghiệp có khai thác vận chuyển hàng không quốc tế; 600 tỷ đồng Việt Nam đối với doanh nghiệp chỉ khai thác vận chuyển hàng không nội địa;

c) Khai thác trên 30 tàu bay: 1.300 tỷ đồng Việt Nam đối với doanh nghiệp có khai thác vận chuyển hàng không quốc tế; 700 tỷ đồng Việt Nam đối với doanh nghiệp chỉ khai thác vận chuyển hàng không nội địa.

2. Mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung: 100 tỷ đồng Việt Nam.

3. Doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không có vốn đầu tư nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện:

a) Bên nước ngoài chiếm không quá 30% vốn điều lệ;

b) Phải có ít nhất một cá nhân Việt Nam hoặc một pháp nhân Việt Nam giữ phần vốn điều lệ lớn nhất. Trường hợp pháp nhân Việt Nam có vốn đầu tư nước ngoài thì phần vốn góp nước ngoài chiếm không quá 49% vốn điều lệ của pháp nhân.

4. Việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không không có vốn đầu tư nước ngoài cho nhà đầu tư nước ngoài chỉ được thực hiện sau 02 năm kể từ ngày được cấp giấy phép kinh doanh vận tải hàng không và phải được Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận.

*** Phương án kinh doanh và chiến lược phát triển**

1. Phương án kinh doanh và chiến lược phát triển của doanh nghiệp bao gồm các nội dung sau:

a) Đánh giá nhu cầu và xu hướng phát triển của thị trường;

b) Đánh giá thực tiễn và mức độ cạnh tranh dịch vụ được cung cấp trên thị trường;

c) Chiến lược phát triển sản phẩm vận chuyển hàng không, chiến lược phát triển đội tàu bay và kế hoạch phát triển kinh doanh của 05 năm đầu kể từ ngày khai thác.

2. Trên cơ sở Quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo Cục Hàng không Việt Nam và các hãng hàng không xây dựng, báo cáo và thực hiện các kế hoạch chi tiết theo định kỳ 05 năm trên cơ sở các nguyên tắc sau:

a) Phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giao thông vận tải;

b) Bảo đảm phát triển đồng bộ cảng hàng không, sân bay, hoạt động bay, phương tiện vận tải và các nguồn lực đảm bảo năng lực khai thác, bảo dưỡng tàu bay của hãng hàng không, năng lực giám sát an toàn của Nhà chức trách hàng không; bảo vệ môi trường và phát triển bền vững;

c) Bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các hãng hàng không; sự phát triển hài hòa giữa các loại hình dịch vụ vận chuyển hàng không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

- Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Thông tư số 169/2010/TT-BTC ngày 01/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI
Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/
Giấy phép kinh doanh hàng không chung

Kính gửi:(tên Cơ quan thẩm định hoặc cấp Giấy đăng ký)

Tôi là: (ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa)Nam/Nữ:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc:Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân (Thẻ căn cước công dân) hoặc Hộ chiếu số:

Ngày cấp:...../...../..... Cơ quan cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:Email:Website:

Đại diện theo pháp luật của công ty:

Mã số doanh nghiệp:

Đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại với nội dung sau:

1. Tên doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài:

Tên doanh nghiệp viết tắt:

Tên thương mại:

Nhãn hiệu:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:Email:Website:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

Do: cấp ngày.....tháng.....năm.....tại

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	
2	
...	

4. Vốn điều lệ:

Tổng số:

- Phần vốn góp của mỗi thành viên được liệt kê tại danh sách thành viên.

5. Vốn tối thiểu:

6. Tên, địa chỉ chi nhánh:

7. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:

8. Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Tôi và các thành viên cam kết:

- Không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty;

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp chính xác, trung thực của nội dung đề nghị cấp giấy phép.

.....

.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Kèm theo đơn đề nghị:

-
-
-

3. Chấp thuận việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không không có vốn đầu tư nước ngoài cho nhà đầu tư nước ngoài

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Người đề nghị gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề xuất của doanh nghiệp, Cục Hàng không Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải xem xét, thông báo việc chấp thuận hoặc không chấp thuận cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Đề xuất chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp cho nhà đầu tư nước ngoài, trong đó bao gồm: Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng, điều kiện chuyển nhượng, số cổ phần, phần vốn góp chuyển nhượng; phương án phát triển đội tàu bay, phương án kinh doanh, chiến lược phát triển nêu tại khoản 1 Điều 9 của Nghị định 92/2016/NĐ-CP (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

4. Thời hạn giải quyết:

10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giao thông vận tải.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Vận tải hàng không - Cục Hàng không Việt Nam; Bộ Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản chấp thuận việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không không có vốn đầu tư nước ngoài cho nhà đầu tư nước ngoài.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không có

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không không có vốn đầu tư nước ngoài cho nhà đầu tư nước ngoài chỉ được thực hiện sau 02 năm kể từ ngày được cấp giấy phép kinh doanh vận tải hàng không và phải được Cục HKVN chấp thuận.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

- Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Thông tư số 169/2010/TT-BTC ngày 01/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không

4. Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Người đề nghị gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 92/2016/NĐ-CP. Trường hợp không cấp giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản trả lời hướng dẫn người đề nghị hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 92/2016/NĐ-CP;

- Bản chính văn bản xác nhận vốn;

- Bản sao tài liệu chứng minh về bộ máy tổ chức, đội ngũ nhân viên được cấp chứng chỉ phù hợp, đáp ứng yêu cầu chuyên môn khai thác tại cảng hàng không, sân bay;

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành về bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

4. Thời hạn giải quyết:

15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý Cảng hàng không, sân bay - Cục Hàng không Việt Nam.
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

8. Phí, lệ phí:

*Đối với cảng hàng không quốc tế: 50.000.000 đồng/lần.

* Đối với cảng hàng không khác: 30.000.000 đồng/lần.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Tờ khai cấp/ cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

*** Điều kiện cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay**

1. Phù hợp với quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay, khả năng đáp ứng kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay.

2. Doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có tổ chức bộ máy bảo đảm việc cung ứng các dịch vụ hàng không liên quan tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng;

b) Có đội ngũ nhân viên được cấp giấy phép, chứng chỉ phù hợp, đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, khai thác tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng;

c) Đáp ứng các điều kiện, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành về bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng và pháp luật khác có liên quan;

d) Đáp ứng điều kiện về vốn tương ứng quy định tại Điều 17 của Nghị định 92/2016/NĐ-CP.

*** Điều kiện về vốn**

1. Mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay:

a) Kinh doanh dịch vụ khai thác nhà ga hành khách: 30 tỷ đồng Việt Nam;

b) Kinh doanh dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa: 30 tỷ đồng Việt Nam;

c) Kinh doanh dịch vụ cung cấp xăng dầu: 30 tỷ đồng Việt Nam.

2. Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, dịch vụ xăng dầu hàng không, dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất, dịch vụ khai thác khu bay, tỷ lệ vốn góp của cá nhân, tổ chức nước ngoài không được quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

- Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Thông tư số 169/2010/TT-BTC ngày 01/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v đề nghị cấp.....

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 20.....

**TỜ KHAI CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Căn cứ

Căn cứ

Công ty..... đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp, cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không (sân bay).....

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).
2. Mã số doanh nghiệp:
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).
5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).
6. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân, nơi cấp, ngày cấp).
7. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).
8. Nội dung đề nghị¹: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú)/.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

-;
-

¹ ***Ghi chú:*** Đối với đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay: tên địa chỉ của người đề nghị; loại hình dịch vụ cung cấp/địa điểm cung cấp dịch vụ; quy mô cung cấp dịch vụ.

5. Cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Người đề nghị gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ.

b) Giải quyết TTHC:

* Đối với giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay; trường hợp không cấp phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

* Đối với giấy phép cấp lại do bị mất, rách, hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp lại giấy phép hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp cho người đề nghị.

2. Cách thức thực hiện:

- a) Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính;
- b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 92/2016/NĐ-CP;

- Các tài liệu có liên quan đến việc thay đổi nội dung giấy phép (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

4. Thời hạn giải quyết:

* Đối với giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

* Đối với giấy phép cấp lại do bị mất, rách, hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Quản lý Cảng hàng không; sân bay - Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

8. Phí, lệ phí (nếu có): 5.000.000 đồng/lần.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Tờ khai cấp/ cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

*** Điều kiện cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay**

1. Phù hợp với quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay, khả năng đáp ứng kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay.

2. Doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có tổ chức bộ máy bảo đảm việc cung ứng các dịch vụ hàng không liên quan tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng;

b) Có đội ngũ nhân viên được cấp giấy phép, chứng chỉ phù hợp, đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, khai thác tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng;

c) Đáp ứng các điều kiện, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành về bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng và pháp luật khác có liên quan;

d) Đáp ứng điều kiện về vốn tương ứng quy định tại Điều 17 của Nghị định này.

*** Điều kiện về vốn**

1. Mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay:

a) Kinh doanh dịch vụ khai thác nhà ga hành khách: 30 tỷ đồng Việt Nam;

b) Kinh doanh dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa: 30 tỷ đồng Việt Nam;

c) Kinh doanh dịch vụ cung cấp xăng dầu: 30 tỷ đồng Việt Nam.

2. Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, dịch vụ xăng dầu hàng không, dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại

mặt đất, dịch vụ khai thác khu bay, tỷ lệ vốn góp của cá nhân, tổ chức nước ngoài không được quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

- Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Thông tư số 169/2010/TT-BTC ngày 01/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không

6. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Người đề nghị gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, kiểm tra đánh giá thực tế cơ sở; yêu cầu người đề nghị giải trình bổ sung các nội dung liên quan, chỉnh sửa tài liệu; cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không cho cơ sở đề nghị, trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 92/2016/NĐ-CP;

- Chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không;

- Danh sách giáo viên chuyên nghiệp, giáo viên kiêm nhiệm kèm theo bản sao các văn bằng, chứng chỉ, tóm tắt quá trình công tác của giáo viên phương án đội ngũ giáo viên thỉnh giảng kèm theo bản sao thỏa thuận giữa cơ sở với giáo viên đó hoặc đơn vị chủ quản của giáo viên đó;

- Báo cáo về cơ sở vật chất: Phòng học, trang thiết bị, cơ sở hoặc nơi thực hành phù hợp với nội dung đào tạo;

- Báo cáo về chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo, huấn luyện lý thuyết, thực hành liên quan đến từng môn học;

- Báo cáo về hệ thống tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ quản lý và hệ thống văn bản quản lý đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Tiêu chuẩn an toàn bay, Phòng Quản lý hoạt động bay, Phòng Tổ chức cán bộ - Cục Hàng không Việt Nam.
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

8. Phí, lệ phí: 20.000.000 đồng/lần.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận, công nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

*** Yêu cầu tối thiểu về phòng học, trang thiết bị, cơ sở thực hành của cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không**

- 1. Cơ sở thực hành, phòng thực tập phải có diện tích và không gian phù hợp với thiết bị, máy móc được sử dụng và đảm bảo điều kiện tối thiểu theo quy định đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- 2. Trang thiết bị phục vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ một số chuyên ngành phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:
 - a) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ thành viên tổ lái, giáo viên huấn luyện bay: Có tàu bay huấn luyện, buồng lái giả định; thiết bị kiểm tra phi công, luyện tập thể lực;
 - b) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ tiếp viên hàng không: Có mô hình khoang tàu bay được trang bị đủ hệ thống an ninh, an toàn, khẩn nguy, cấp cứu, hệ thống dưỡng khí và các dụng cụ phục vụ hành khách trên tàu bay được Cục Hàng không Việt Nam cấp phép hoặc phê chuẩn;
 - c) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị tàu bay: Có tàu bay học cụ được trang bị thiết bị điện, điện tử, thông tin liên lạc còn hoạt động; dụng cụ thực hành về cơ giới, điện, điện tử, công nghệ thông tin, sơ đồ kết cấu tàu bay phù hợp với chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ;
 - d) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên không lưu: Có hệ thống huấn luyện giả định cho nhân viên không lưu (trừ nhân viên thực hiện nhiệm vụ

thủ tục bay, thông báo - hiệp đồng bay, đánh tín hiệu) phù hợp với chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ;

đ) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không: Có đủ thiết bị thực hành phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ;

e) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên an ninh hàng không: Có các thiết bị hoặc mô hình giả định và phần mềm giảng dạy an ninh soi chiếu hành khách, hành lý, hàng hóa; các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ, vật phẩm nguy hiểm; phòng thực hành có trang thiết bị giảng dạy phù hợp với chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ;

g) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên thông báo tin tức hàng không: Có hệ thống thông tin, dữ liệu phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ; có đủ thiết bị thực hành phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ;

h) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên khí tượng hàng không: Có thiết bị và hệ thống thông tin, dữ liệu phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ;

i) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên điều độ, khai thác bay: Có các tài liệu liên quan đến tính năng, kỹ thuật các loại tàu bay đang khai thác, phần mềm về điều độ, khai thác bay; các thiết bị thực hành và hệ thống thông tin, dữ liệu phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ và các tài liệu khác phù hợp với yêu cầu của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO);

k) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay: Có thiết bị, phương tiện thực hành, bãi tập, tài liệu hướng dẫn khai thác thiết bị, phương tiện phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ;

l) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay: Có trang thiết bị, tài liệu, hệ thống thông tin, dữ liệu, phần mềm hướng dẫn thực hành khai thác phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, tài liệu hướng dẫn khai thác;

m) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên thiết kế phương thức bay hàng không dân dụng: Có quy trình xây dựng, thiết kế phương thức bay và khai thác phương thức bay, hệ thống bản đồ hàng không, hệ thống thông tin, dữ liệu và trang thiết bị phục vụ công tác thiết kế phương thức bay phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ;

n) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên tìm kiếm cứu nạn hàng không: Có sơ đồ, mô hình tổ chức hệ thống tìm kiếm cứu nạn hàng không, quy trình tổ chức tìm kiếm cứu nạn; các tình huống giả định, băng hình diễn tập tìm kiếm cứu nạn hàng không; hệ thống thiết bị, bảng các ký hiệu mã, cột quốc tế

liên quan đến hoạt động bay dân dụng và hoạt động tìm kiếm, cứu nạn; hệ thống thông tin, dữ liệu phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn hàng không phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ;

o) Đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành hàng không dân dụng theo quy định.

*** Giáo viên của cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không**

1. Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải có đủ giáo viên lý thuyết, giáo viên thực hành để đảm bảo mỗi môn học chuyên ngành hàng không phải có ít nhất 01 giáo viên giảng dạy. Cơ sở đào tạo, huấn luyện có thể duy trì các hình thức giáo viên chuyên nghiệp, giáo viên kiêm nhiệm, giáo viên thỉnh giảng chuyên ngành hàng không, số lượng giáo viên thỉnh giảng chuyên ngành hàng không của cơ sở đào tạo, huấn luyện không được lớn hơn 50% số lượng giáo viên chuyên ngành hàng không của cơ sở đào tạo.

2. Tiêu chuẩn giáo viên chuyên ngành hàng không

a) Đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về giáo dục đào tạo và dạy nghề; đối với giáo viên chuyên nghiệp, giáo viên kiêm nhiệm phải có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;

b) Đáp ứng các điều kiện về chuyên môn theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành hàng không tương ứng;

c) Có chứng chỉ chuyên môn hoặc có kinh nghiệm 5 năm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn liên quan đến môn giảng dạy.

3. Đáp ứng các yêu cầu về chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu đào tạo huấn luyện do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

- Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Thông tư số 169/2010/TT-BTC ngày 01/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

TÊN CƠ SỞ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN, CÔNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO, HUẤN
LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Tên cơ sở (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):

.....

Tên cơ sở viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:

Do:cấp ngàytháng..... nămtại

Lĩnh vực hoạt động chính:

Vốn điều lệ:Số tài khoản:Tại Ngân hàng:

Điện thoại:Fax:,Email:Website (nếu có):.....

Đại diện theo pháp luật

Họ và tên:Chức vụ:Quốc tịch:

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (*phần dành cho cơ sở là tổ chức trực thuộc pháp nhân*)

- Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ/đánh giá:

- Địa chỉ cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ/đánh giá hoặc chi nhánh (nếu có):

+ Cơ sở 1:+ Cơ sở 2:

được thành lập theo Quyết định số, ngày.....của

- Điện thoại:Fax:E.mail:

- Phạm vi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ/đánh giá:

- Quy mô đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ/đánh giá:

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị, hồ sơ kèm theo và chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động nói chung và phạm vi hoạt động được quy định trong Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không./.

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

7. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Người đề nghị gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ.

b) Giải quyết TTHC:

* Trường hợp cấp lại giấy chứng nhận do bị mất, rách, hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp lại giấy chứng nhận hoặc thông báo từ chối cấp bằng văn bản, nêu rõ lý do.

* Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, kiểm tra đánh giá thực tế cơ sở; yêu cầu người đề nghị giải trình bổ sung các nội dung liên quan; cấp lại giấy chứng nhận hoặc thông báo từ chối cấp lại giấy chứng nhận bằng văn bản, nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 92/2016/NĐ-CP;

- Các tài liệu liên quan đến việc thay đổi nội dung giấy chứng nhận (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

4. Thời hạn giải quyết:

* Trường hợp cấp lại giấy chứng nhận do bị mất, rách, hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

* Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Tiêu chuẩn an toàn bay, Phòng Quản lý hoạt động bay, Phòng Tổ chức cán bộ - Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

8. Phí, lệ phí: 2.400.000 đồng/lần.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

*** Yêu cầu tối thiểu về phòng học, trang thiết bị, cơ sở thực hành của cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không**

1. Cơ sở thực hành, phòng thực tập phải có diện tích và không gian phù hợp với thiết bị, máy móc được sử dụng và đảm bảo điều kiện tối thiểu theo quy định đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Trang thiết bị phục vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ một số chuyên ngành phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ thành viên tổ lái, giáo viên huấn luyện bay: Có tàu bay huấn luyện, buồng lái giả định; thiết bị kiểm tra phi công, luyện tập thể lực;

b) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ tiếp viên hàng không: Có mô hình khoang tàu bay được trang bị đủ hệ thống an ninh, an toàn, khẩn nguy, cấp cứu, hệ thống dưỡng khí và các dụng cụ phục vụ hành khách trên tàu bay được Cục Hàng không Việt Nam cấp phép hoặc phê chuẩn;

c) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị tàu bay: Có tàu bay học cụ được trang bị thiết bị điện, điện tử, thông tin liên lạc còn hoạt động; dụng cụ thực hành về cơ giới, điện, điện tử, công nghệ thông tin, sơ đồ kết cấu tàu bay phù hợp với chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ;

d) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên không lưu: Có hệ thống huấn luyện giả định cho nhân viên không lưu (trừ nhân viên thực hiện nhiệm vụ thủ tục bay, thông báo - hiệp đồng bay, đánh tín hiệu) phù hợp với chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ;

đ) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không: Có đủ thiết bị thực hành phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ;

e) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên an ninh hàng không: Có các thiết bị hoặc mô hình giả định và phần mềm giảng dạy an ninh soi chiếu hành khách, hành lý, hàng hóa; các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ, vật phẩm nguy hiểm; phòng thực hành có trang thiết bị giảng dạy phù hợp với chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ;

g) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên thông báo tin tức hàng không: Có hệ thống thông tin, dữ liệu phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ; có đủ thiết bị thực hành phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ;

h) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên khí tượng hàng không: Có thiết bị và hệ thống thông tin, dữ liệu phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ;

i) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên điều độ, khai thác bay: Có các tài liệu liên quan đến tính năng, kỹ thuật các loại tàu bay đang khai thác, phần mềm về điều độ, khai thác bay; các thiết bị thực hành và hệ thống thông tin, dữ liệu phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ và các tài liệu khác phù hợp với yêu cầu của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO);

k) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay: Có thiết bị, phương tiện thực hành, bãi tập, tài liệu hướng dẫn khai thác thiết bị, phương tiện phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ;

l) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay: Có trang thiết bị, tài liệu, hệ thống thông tin, dữ liệu, phần mềm hướng dẫn thực hành khai thác phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, tài liệu hướng dẫn khai thác;

m) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên thiết kế phương thức bay hàng không dân dụng: Có quy trình xây dựng, thiết kế phương thức bay và khai thác phương thức bay, hệ thống bản đồ hàng không, hệ thống thông tin, dữ liệu và trang thiết bị phục vụ công tác thiết kế phương thức bay phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ;

n) Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên tìm kiếm cứu nạn hàng không: Có sơ đồ, mô hình tổ chức hệ thống tìm kiếm cứu nạn hàng không, quy trình tổ chức tìm kiếm cứu nạn; các tình huống giả định, băng hình diễn tập tìm kiếm cứu nạn hàng không; hệ thống thiết bị, bảng các ký hiệu mã, cốt quốc tế liên quan đến hoạt động bay dân dụng và hoạt động tìm kiếm, cứu nạn; hệ thống thông tin, dữ liệu phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn hàng không phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ;

o) Đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành hàng không dân dụng theo quy định.

*** Giáo viên của cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không**

1. Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải có đủ giáo viên lý thuyết, giáo viên thực hành để đảm bảo mỗi môn học chuyên ngành hàng không phải có ít nhất 01 giáo viên giảng dạy. Cơ sở đào tạo, huấn luyện có thể duy trì các hình thức giáo viên chuyên nghiệp, giáo viên kiêm nhiệm, giáo viên thỉnh giảng chuyên ngành hàng không, số lượng giáo viên thỉnh giảng chuyên ngành hàng không của cơ sở đào tạo, huấn luyện không được lớn hơn 50% số lượng giáo viên chuyên ngành hàng không của cơ sở đào tạo.

2. Tiêu chuẩn giáo viên chuyên ngành hàng không

a) Đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về giáo dục đào tạo và dạy nghề; đối với giáo viên chuyên nghiệp, giáo viên kiêm nhiệm phải có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;

b) Đáp ứng các điều kiện về chuyên môn theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành hàng không tương ứng;

c) Có chứng chỉ chuyên môn hoặc có kinh nghiệm 5 năm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn liên quan đến môn giảng dạy.

3. Đáp ứng các yêu cầu về chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu đào tạo huấn luyện do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

- Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Thông tư số 169/2010/TT-BTC ngày 01/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

TÊN CƠ SỞ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN
NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Tên cơ sở (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):

.....

Tên cơ sở viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Điện thoại:Fax:Email:Website (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:Chức vụ:

Quốc tịch:

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp lại/sửa đổi/bổ sung nội dung Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (Phần dành cho cơ sở là tổ chức trực thuộc pháp nhân)

- Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ:

- Giấy chứng nhận được cấp số:ngàynơi cấp

- Lý do xin cấp lại:

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động nói chung và phạm vi hoạt động được quy định trong Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

8. Cấp mới giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ hàng không

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép cho phương tiện gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không đánh giá và thẩm định hồ sơ, trường hợp đáp ứng thì cấp giấy phép; trường hợp không đáp ứng, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cảng vụ hàng không có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do. Trường hợp hồ sơ chưa rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cảng vụ hàng không có văn bản đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc đề nghị trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp cho cơ quan cấp phép; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ cấp mới (lần đầu):

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định;
- Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định;
- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực;

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Người khai thác cảng hàng không, sân bay được Cục Hàng không Việt Nam uỷ quyền cấp giấy phép có giá trị sử dụng dài hạn tại một cảng hàng không, sân bay thuộc người khai thác cảng cho phương tiện của mình;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ hàng không;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Cấp giấy phép kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng dài hạn tại một hoặc nhiều cảng hàng không sân bay thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ hàng không.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí : 100.000 đồng/ giấy phép;

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Mẫu công văn;

- Mẫu danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay phục vụ chuyển bay chuyên cơ, khu vực đường cất hạ cánh của sân bay; Phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay nhưng không được Cảng vụ hàng không cấp biển kiểm soát an ninh; điều kiện bổ sung để phương tiện được cấp giấy phép có giá trị sử dụng dài hạn:

+ Được phép lưu thông theo quy định của pháp luật;

+ Đáp ứng các yêu cầu của phương tiện hoạt động trong khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của Bộ Giao thông vận tải về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay nhưng không được Cảng vụ hàng không cấp biển kiểm soát an ninh;

- Phương tiện thuộc quản lý của cơ quan Đảng, Nhà nước và chuyên phục vụ các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên; Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Thứ trưởng Bộ Công an; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng tham mưu trưởng, Cục trưởng Cục tác chiến Bộ Tổng tham mưu, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam;

- Đối với phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay, biển kiểm soát an ninh do Cảng vụ hàng không cấp đồng thời là giấy phép kiểm soát an ninh hàng không, trừ trường hợp phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay phục vụ chuyển bay chuyên cơ, khu vực đường cất hạ cánh của sân bay.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;

- Thông tư số 169/2010/TT-BTC ngày 01/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;
- Thông tư 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

Tên đơn vị đề nghị...
Name of organization

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số (Number):...../.....

V/v (Subject): (location), ngày (date)...tháng (month)... năm (year)...

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)
Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ giấy, phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không) , (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: ¹¹

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị:

Details of proposal.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely.

¹Đối với đề nghị phê duyệt, chấp thuận Chương trình an ninh phải giải trình về sự tuân thủ với các quy định của Thông tư và pháp luật hiện hành và tính khả thi của các quy định trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không. Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Regarding submitting the ASP for approval, justification is how the ASP complied with this NCASP and relevant regulations and the feasibility of the ASP. Regarding the request of security permit, justification is the details of the need to have security permit.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

Nơi nhận:

(Recipients)

- Như trên;

- ...;

- Lưu

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and seal)

Ghi chú: Nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: Should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page-seal mark must be attached.

*MẪU DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KIỂM SOÁT AN NINH
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN/ NGẮN HẠN*

ĐƠN VỊ

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày... tháng ... năm 20...

DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN

(Kèm theo công văn số/..... ngày tháng năm của (tên cơ quan/ đơn vị đề nghị)... ..)

Số TT	Tên phương tiện	Biển kiểm soát	Giấy đăng ký phương tiện ⁽¹⁾ / Giấy phép khai thác thiết bị hàng không ⁽²⁾	Số chứng nhận kiểm định ATKT và BVMT giao thông ⁽¹⁾ / Biên bản kiểm định đủ tiêu chuẩn khai thác an toàn, kỹ thuật, môi trường ⁽²⁾	Thời hạn cấp	Khu vực đề nghị	Công vào	Công ra
1								
2								
3								
...								
...								

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Đối với phương tiện có tham gia giao thông ngoài khu vực cảng hàng không, sân bay.

(2) Đối với phương tiện chuyên dùng hoạt động trong khu bay.

Yêu cầu: Nộp kèm bản sao các tài liệu đã khai. Nếu danh sách phương tiện có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

9. Cấp lại giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cảng vụ hàng không

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp lại giấy phép cho phương tiện gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không đánh giá và thẩm định hồ sơ, trường hợp đáp ứng thì cấp giấy phép; trường hợp không đáp ứng, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cảng vụ hàng không có văn bản thông báo cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do. Trường hợp hồ sơ chưa rõ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cảng vụ hàng không có văn bản đề nghị cung cấp thêm thông tin, tài liệu hoặc đề nghị trực tiếp đến làm việc để làm rõ.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp cho cơ quan cấp phép; hoặc
- Qua hệ thống bưu chính; hoặc
- Hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ cấp lại do ban hành mẫu giấy phép mới, giấy phép hết thời hạn sử dụng:

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định;
- Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định;
- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực.

b) Thành phần hồ sơ cấp lại do giấy phép còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, rách, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật:

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định;
- Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định;
- Giấy phép bị mờ, rách, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật.

c) Thành phần hồ sơ cấp lại do bị mất giấy phép:

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định;
- Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định;
- Văn bản xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị về thời gian, địa điểm, nguyên nhân mất giấy phép.

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cảng vụ hàng không;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ hàng không;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Cấp giấy phép kiểm soát an ninh hàng không có giá trị sử dụng dài hạn tại một hoặc nhiều cảng hàng không sân bay thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ hàng không.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí : 100.000 đồng/giấy phép;

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Mẫu công văn;

- Mẫu danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay phục vụ chuyên bay chuyên cơ, khu vực đường cất hạ cánh của sân bay; Phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay nhưng không được Cảng vụ hàng không cấp biển kiểm soát an ninh; điều kiện bổ sung để phương tiện được cấp giấy phép có giá trị sử dụng dài hạn:

+ Được phép lưu thông theo quy định của pháp luật;

+ Đáp ứng các yêu cầu của phương tiện hoạt động trong khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của Bộ Giao thông vận tải về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay nhưng không được Cảng vụ hàng không cấp biển kiểm soát an ninh;

- Phương tiện thuộc quản lý của cơ quan Đảng, Nhà nước và chuyên phục vụ các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên; Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Thứ trưởng Bộ Công an; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng tham mưu trưởng, Cục trưởng Cục tác chiến Bộ Tổng tham mưu, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam;

- Đối với phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay, biển kiểm soát an ninh do Cảng vụ hàng không cấp đồng thời là giấy phép kiểm soát an ninh hàng không, trừ trường hợp phương tiện hoạt động thường xuyên

tại khu vực hạn chế của sân bay phục vụ chuyến bay chuyên cơ, khu vực đường cất hạ cánh của sân bay.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;
- Thông tư số 169/2010/TT-BTC ngày 01/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;
- Thông tư 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

Tên đơn vị đề nghị...
Name of organization

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số (Number):...../.....

V/v (Subject): (location), ngày (date)...tháng (month)... năm (year)...

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)
Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ giấy, phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không), (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình: ²¹

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị:

Details of proposal.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

Nơi nhận:
(Recipients)

¹Đối với đề nghị phê duyệt, chấp thuận Chương trình an ninh phải giải trình về sự tuân thủ với các quy định của Thông tư và pháp luật hiện hành và tính khả thi của các quy định trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không. Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Regarding submitting the ASP for approval, justification is how the ASP complied with this NCASP and relevant regulations and the feasibility of the ASP. Regarding the request of security permit, justification is the details of the need to have security permit.

- Như trên;
- ...;
- Lưu

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and seal)

Ghi chú: Nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: Should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page-seal mark must be attached.

*MẪU DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KIỂM SOÁT AN NINH
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN/ NGẮN HẠN*

ĐƠN VỊ

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày... tháng ... năm 20...

DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN

(Kèm theo công văn số/..... ngày tháng năm của (tên cơ quan/ đơn vị đề nghị).....)

Số TT	Tên phương tiện	Biên kiểm soát	Giấy đăng ký phương tiện ⁽¹⁾ / Giấy phép khai thác thiết bị hàng không ⁽²⁾	Số chứng nhận kiểm định ATKT và BVMT giao thông ⁽¹⁾ / Biên bản kiểm định đủ tiêu chuẩn khai thác an toàn, kỹ thuật, môi trường ⁽²⁾	Thời hạn cấp	Khu vực đề nghị	Công vào	Công ra
1								
2								
3								
...								
...								

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Đối với phương tiện có tham gia giao thông ngoài khu vực cảng hàng không, sân bay.
- (2) Đối với phương tiện chuyên dùng hoạt động trong khu bay.

Yêu cầu: Nộp kèm bản sao các tài liệu đã khai. Nếu danh sách phương tiện có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

10. Cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn

1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cơ quan đề nghị cấp giấy phép cho phương tiện gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp đến Cảng vụ hàng không.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn tối đa 60 phút kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp giấy phép thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép, thông báo trực tiếp lý do cho người nộp hồ sơ.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp cho cơ quan cấp phép.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ cấp:

- Văn bản của cơ quan đề nghị theo mẫu quy định;
- Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- 60 phút, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Người khai thác cảng hàng không, sân bay được Cục Hàng không Việt Nam uỷ quyền cấp giấy phép cho phương tiện của mình và người, phương tiện mà người khai thác cảng hàng không, sân bay thuê làm nhiệm vụ xây dựng, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị, công trình của mình.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ hàng không;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng ngắn hạn tại một cảng hàng không sân bay.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí : 20.000 đồng/thẻ.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Mẫu công văn;
- Mẫu danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Phương tiện được xem xét cấp giấy phép có giá trị sử dụng ngắn hạn gồm:
 - + Phương tiện sử dụng để đưa đón khách quốc tế từ cấp Bộ trưởng trở lên;
 - + Phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của sân bay nhưng không được Cảng vụ hàng không cấp biển kiểm soát an ninh có nhiệm vụ phục vụ chuyến bay chuyên cơ;
 - + Phương tiện có nhiệm vụ đột xuất để: phục vụ các đối tượng đặc biệt; thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; phục vụ hoạt động của cảng hàng không, sân bay tại khu vực hạn chế.
- Phương tiện sau khi được cấp giấy phép vào hoạt động trong khu vực hạn chế phải có phương tiện của người khai thác cảng hàng không, sân bay hoặc nhân viên kiểm soát an ninh hàng không hoặc nhân viên có giấy phép khai thác phương tiện mặt đất hướng dẫn.
- Cơ quan đề nghị cấp giấy phép xuất trình Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;
- Thông tư số 169/2010/TT-BTC ngày 01/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không;
- Thông tư 01/2016/TT-BGTVT ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

Tên đơn vị đề nghị...
Name of organization

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số (Number):...../.....

V/v (Subject): (location), ngày (date)...tháng (month)... năm (year)...

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)
Attn: [Name of organisation will receive this official letter]

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị: phê duyệt/chấp thuận Chương trình an ninh, Quy chế an ninh hàng không; cấp thẻ giấy, phép kiểm soát an ninh hàng không; cấp Giấy phép, năng định chuyên môn nhân viên kiểm soát an ninh hàng không), (tên cơ quan/đơn vị đề nghị) giải trình và đề nghị như sau:

In accordance with legal provisions regarding the issue/subject ... [briefly describe the request: submit the Aviation Security Program (ASP) for approval, issuance security permit, licenses for security control staff], we [name of organization who sent this official letter] would like to request/discuss the issue/subject as follows:

1. Nội dung giải trình:³¹

Details of issue and subject and its justification.

2. Nội dung đề nghị:

Details of proposal.

3. Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan, đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để giải trình, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn.

Contact details (address, telephone number, fax, email, etc.) of the designated person to liaise with the organization received this official letter.

Trân trọng cảm ơn./.

Yours sincerely.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
HEAD OF ORGANIZATION/UNIT

Nơi nhận:
(Recipients)

¹Đối với đề nghị phê duyệt, chấp thuận Chương trình an ninh phải giải trình về sự tuân thủ với các quy định của Thông tư và pháp luật hiện hành và tính khả thi của các quy định trong Chương trình, Quy chế an ninh hàng không. Đối với đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải giải trình cụ thể lý do đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Regarding submitting the ASP for approval, justification is how the ASP complied with this NCASP and relevant regulations and the feasibility of the ASP. Regarding the request of security permit, justification is the details of the need to have security permit.

- Như trên;
- ...;
- Lưu

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and seal)

Ghi chú: Nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

Note: Should the official letter bearing 2 pages or more, the joint-page-seal mark must be attached.

*MẪU DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KIỂM SOÁT AN NINH
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG DÀI HẠN/ NGẮN HẠN*

ĐƠN VỊ
SỐ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày... tháng ... năm 20...

DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN

(Kèm theo công văn số/..... ngày tháng năm của (tên cơ quan/ đơn vị đề nghị).....)

Số TT	Tên phương tiện	Biển kiểm soát	Giấy đăng ký phương tiện ⁽¹⁾ / Giấy phép khai thác thiết bị hàng không ⁽²⁾	Số chứng nhận kiểm định ATKT và BVMT giao thông ⁽¹⁾ / Biên bản kiểm định đủ tiêu chuẩn khai thác an toàn, kỹ thuật, môi trường ⁽²⁾	Thời hạn cấp	Khu vực đề nghị	Công vào	Công ra
1								
2								
3								
...								
...								

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Đối với phương tiện có tham gia giao thông ngoài khu vực cảng hàng không, sân bay.

(2) Đối với phương tiện chuyên dùng hoạt động trong khu bay.

Yêu cầu: Nộp kèm bản sao các tài liệu đã khai. Nếu danh sách phương tiện có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.